TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2020
V/v Ly hôn, con chung
giữa anh T, chị K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én – Kiểm sát viên.

Ngày 20-7-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Hoàng Thức, xã Hải PT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm Hoàng Thức, xã Hải PT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh T, chị K xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải PT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30-7-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh T đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên để con cho anh T và gia đình nuôi

dưỡng sau đó bỏ đi đâu, làm gì anh T không hay biết. Anh cũng đã khuyên bảo chị K nhiều lần nhưng chị K không thay đổi. Mặt khác tính tình giữa anh và chị K có nhiều khác biệt nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn chị K.

Về con chung: Anh T và chị K có 01 con chung là cháu Đỗ Thành A, sinh ngày 12-9-2011, hiện đang do anh T nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của anh T xin được nuôi dưỡng cháu An và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đỗ Văn T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04-5-2020, bị đơn chị Nguyễn Thị K có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị K là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị K xác nhận vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung. Chị K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Đỗ Văn T ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Về con chung, giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, không buộc chị K phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải PT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 30-7-2010. Do trong cuộc sống chị K không chăm lo cho cuộc sống gia đình thường xuyên bỏ đi mà không thông báo cho anh T và gia đình biết. Từ cuối năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên anh T đề nghị xin được ly hôn, chị K đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình của anh T, chị K không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên chị K thường xuyên bỏ đi làm kinh tế, đến nay anh T và chị K đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K có 01 con chung là cháu Đỗ Thành A, sinh ngày 12-9-2011, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của anh T, chị K xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh T, chị K thì thấy: Cháu An đang do anh T nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu An có lời khai xin được ở với anh T. Mặc khác, anh T đang là công nhân của Công ty cổ phần TECHCOMEVINA với mức thu nhập 15.000.000đ/01 tháng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu An cần tiếp tục giao cháu An cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị K được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc chị K thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Thành An, sinh ngày 12-9-2011 cho anh Đỗ Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu An đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002019 ngày 05-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải PT: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái